TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 377/2019/DS-ST
Ngày 13 tháng 12 năm 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Quốc**

2. Ông **Duyên Văn Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 427/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1985. Trú tại: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971 (Có mặt); trú tại: Khóm 7, TT T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn S, sinh năm 1983 (Có mặt); chị Trần Minh G, sinh năm 1983 (Vắng mặt); Cùng trú tại: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Anh Phan Văn S có vay của chị Nguyễn Thị Y số tiền 60.000.000 đồng, chia làm 02 đợt: Đợt thứ nhất: Vào ngày 13/8/2018, anh Phan Văn S vay số tiền 40.000.000 đồng. Đợt thứ hai: Vào ngày 17/8/2018, anh Phan Văn S vay số tiền 20.000.000 đồng. Thời hạn vay là 02 tháng. Khi đến hạn, anh S không chịu trả tiền vay. Nay, chị Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu anh Phan Văn S, cùng vợ là chị Trần Minh G cùng trả số tiền 60.000.000 đồng.

- *Bị đơn anh Phan Văn S trình bày:* Anh xác định có vay chị Nguyễn Thị Y số tiền 60.000.000 đồng, đúng như chị Y trình bày. Việc, vay tiền của chị Y nhằm mục đích làm

kinh tế gia đình. Do, làm ăn thất bại nên không có tiền trả một lần cho chị Y được, xin được trả dần số tiền mà chị Y đã yêu cầu.

- *Đối với bị đơn chị Trần Minh G:* Khi thụ lý, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị G vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Minh G, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị G theo quy định của pháp luật.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Anh Phan Văn S thừa nhận có vay của chị Nguyễn Thị Y số tiền 60.000.000 đồng (vào ngày 13 và ngày 17/8/2018). Căn cứ khoản 2 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh. Quá trình vay tiền, phía anh S đã vi phạm hợp đồng, không trả tiền gốc cho chị Y đúng hẹn. Nên, chị Y khởi kiện yêu cầu trả tiền vay là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Do, giao dịch vay tiền giữa chị Y với anh S, chị G là trong thời kỳ hôn nhân giữa anh S, chị G. Nên, cần buộc anh S, chị G có trách nhiệm trả cho chị Y số tiền như đã yêu cầu, là phù hợp theo khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Đối với yêu cầu của anh S về việc yêu cầu trả dần số tiền đã thiếu của chị Yên là không có cơ sở chấp nhận, làm thiệt hại đến quyền lợi của chị Y.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh S, chị G phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 3.000.000 đồng (60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng). Chị Y được nhận lại số tiền 750.000 đồng theo biên lai thu số 0002684 ngày 16/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1

Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng: khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357; Điều 429; Điều 463 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y. Buộc bị đơn anh Phan Văn S và chị Trần Minh G trả cho chị Nguyễn Thị Y số tiền vay 60.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng). Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Về án phí: Buộc bị đơn anh Phan Văn S và chị Trần Minh G phải nộp 5% (án phí dân sự có giá ngạch) với số tiền 3.000.000 đồng (chưa nộp). Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y được nhận lại số tiền 750.000 đồng theo biên lai thu số 0002684 ngày 16/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y; bị đơn anh Phan Văn S được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Trần Minh G được quyền kháng cáo bản án này kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Thành Quang